

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực hàng không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

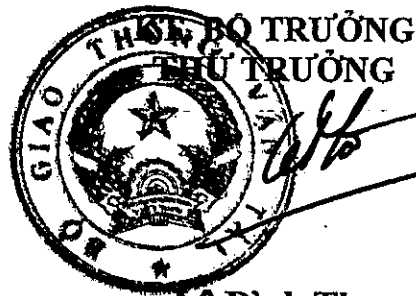
Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực hàng không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./-v/v

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Các Cảng vụ Hàng không;
- Các doanh nghiệp hàng không;
- Lưu: VT, KSTTHC (03).



Lê Đình Thọ

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BỎ BỎ
LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 782/QĐ-BGTVT
Ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Bộ Giao thông vận tải**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1.	B-BGT- 285433-TT	Thủ tục Phê duyệt chương trình, quy chế an ninh hàng không, chấp thuận chương trình an ninh hàng không hãng hàng không nước ngoài	Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT ngày 29/3/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam	Hàng không	Cục HKVN
2.	B-BGT- 285445-TT	Thủ tục sửa đổi, bổ sung chương trình an ninh, quy chế an ninh hàng không	Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT ngày 29/3/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam	Hàng không	Cục HKVN
3.	B-BGT- 285770-TT	Thủ tục cấp mới thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không	Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT ngày 29/3/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam	Hàng không	Cục HKVN - Cảng vụ HK
4.	B-BGT- 285771-TT	Thủ tục cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không	Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT ngày 29/3/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam	Hàng không	- Cục HKVN. - Cảng vụ HK
5.	B-BGT-	Thủ tục cấp thẻ kiểm soát an	Thông tư số 13/2019/TT-	Hàng không	Cảng vụ

	285776-TT	ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn của Cảng vụ hàng không	BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT ngày 29/3/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam		HK
6.	B-BGT-285774-TT	Thủ tục cấp mới giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ hàng không, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay	Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT ngày 29/3/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam	Hàng không	Cảng vụ HK - Doanh nghiệp cảng HK
7.	B-BGT-285775-TT	Thủ tục cấp lại giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ hàng không, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay	Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT ngày 29/3/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam	Hàng không	Cảng vụ HK - Doanh nghiệp cảng HK
8.	B-BGT-285777-TT	Thủ tục cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn của Cảng vụ hàng không, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay	Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT ngày 29/3/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam	Hàng không	Cảng vụ HK - Doanh nghiệp cảng HK
9.	B-BGT-285561-TT	Thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn cho lực lượng công an và hải quan cửa khẩu tại các cảng hàng không, sân bay quốc tế	Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT ngày 29/3/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam	Hàng không	Cảng vụ HK
10	B-BGT-285563-TT	Thủ tục cấp giấy phép, gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định nhân viên kiểm soát an ninh hàng không	Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT ngày 29/3/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam	Hàng không	Cục HKVN

2. Danh mục thủ tục hành chính được bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1.	B-BGT-285434-TT	Thủ tục chấp thuận Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không nước ngoài	Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT ngày 29/3/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam	Hàng không	Cục HKVN
2.	B-BGT-285435-TT	Thủ tục phê duyệt Quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không	Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT ngày 29/3/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam	Hàng không	Cục HKVN
3.	B-BGT-285432-TT	Thủ tục phê duyệt Chương trình an ninh hàng không dân dụng của người khai thác cảng hàng không, sân bay	Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT ngày 29/3/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam	Hàng không	Cục HKVN
4.	B-BGT-285441-TT	Thủ tục cấp lại Giấy phép nhân viên kiểm soát an ninh hàng không do hết thời hạn, hiệu lực, mất hỏng	Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT ngày 29/3/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam	Hàng không	Cục HKVN
5.	B-BGT-285443-TT	Thủ tục cấp gia hạn, bổ sung phục hồi năng định nhân viên kiểm soát an ninh hàng không	Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT ngày 29/3/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam	Hàng không	Cục HKVN
6.	B-BGT-285446-TT	Thủ tục chấp thuận sửa đổi, bổ sung Chương trình an ninh hàng không hãng hàng không nước ngoài	Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT ngày 29/3/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam	Hàng không	Cục HKVN
7.	B-BGT-285447-TT	Thủ tục phê duyệt sửa đổi, bổ sung Quy chế an ninh	Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ	Hàng không	Cục HKVN

		hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không	GTVT ngày 29/3/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam		
8.	B-BGT-285444-TT	Thủ tục phê duyệt sửa đổi, bổ sung Chương trình an ninh hàng không dân dụng của người khai thác cảng hàng không, sân bay	Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT ngày 29/3/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam	Hàng không	Cục HKVN
9.	B-BGT-285772-TT	Thủ tục cấp mới thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của cảng vụ hàng không	Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT ngày 29/3/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam	Hàng không	Cảng vụ hàng không.
10	B-BGT-285773-TT	Thủ tục cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của cảng vụ hàng không	Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT ngày 29/3/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam	Hàng không	Cảng vụ hàng không.

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

A. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ SỬA ĐỔI

1. Thủ tục Phê duyệt chương trình, quy chế an ninh hàng không, chấp thuận chương trình an ninh hàng không hãng hàng không nước ngoài

1.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Doanh nghiệp, đơn vị có chương trình, quy chế an ninh hàng không gửi hồ sơ (đối với doanh nghiệp Việt Nam, hồ sơ bằng tiếng Việt; đối với hãng hàng không nước ngoài, hồ sơ bằng tiếng Anh kèm theo bản dịch tiếng Việt) trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản yêu cầu doanh nghiệp, đơn vị đề nghị phê duyệt bổ sung hồ sơ.

- Trường hợp đầy đủ hồ sơ, trong thời hạn 10 ngày làm việc tính từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra thực tế:

+ Nếu chương trình, quy chế an ninh hàng không đáp ứng đầy đủ các quy định: ra quyết định phê duyệt hoặc chấp thuận (đối với chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không nước ngoài);

+ Nếu chương trình, quy chế an ninh hàng không chưa đáp ứng đầy đủ các quy định: có văn bản yêu cầu doanh nghiệp, đơn vị đề nghị phê duyệt bổ sung, sửa đổi chương trình, quy chế.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua dịch vụ bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị theo mẫu;
- Chương trình, quy chế an ninh hàng không;
- Bảng đánh giá nội dung khác biệt của chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không với quy định của pháp luật Việt Nam và các biện pháp nhằm khắc phục các khác biệt đối với hồ sơ trình chấp thuận chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không nước ngoài.

b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:



- 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

1.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định phê duyệt hoặc chấp thuận.

1.8. Phí, lệ phí: Không.

1.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Văn bản đề nghị.

1.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 92/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13/10/2015 quy định về an ninh hàng không;

- Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ngày 29/03/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.

Phụ lục VI
MẪU CÔNG VĂN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13 /2019/TT-BGTVT ngày 29 /3/2019
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Tên đơn vị đề nghị...
Name of organization

Số (Number):...../..... ... (location), ngày (date)...tháng (month)...
V/v (Subject): năm (year)...
.....

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)
Attn: [Name of organisation will receive this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: phê duyệt/chấp thuận chương trình an ninh, quy chế an ninh hàng không; cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không; cấp Giấy phép, năng định chuyên môn nhân viên kiểm soát an ninh hàng không) , (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject ... [briefly describe the request: submit the Aviation Security Program (ASP) for approval, issuance security permit, licenses for security control staff], we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình: ⁽¹⁾

Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị:

Details of proposal.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, email, etc.) of the designated person to liaise with the organization received this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely,

⁽¹⁾Đối với đề nghị phê duyệt, chấp thuận Chương trình an ninh phải giải trình về sự tuân thủ với các quy định của Thông tư và pháp luật hiện hành và tính khả thi của các quy định trong Chương trình, Quy chế an ninh hàng không. Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

Regarding submitting the ASP for approval, justification is how the ASP complied with this NCASP and relevant regulations and the feasibility of the ASP. Regarding the request of security permit, justification is the details of the need to have security permit and writing by rule.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

Nơi nhận:
(Recipients)
- Như trên;
(As above)
- ...;
- Lưu ...
(Save)

(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and seal)

Ghi chú: nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page- seal mark must be attached.

2. Thủ tục sửa đổi, bổ sung chương trình an ninh, quy chế an ninh hàng không

2.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Doanh nghiệp, đơn vị có chương trình, quy chế an ninh hàng không sửa đổi, bổ sung gửi hồ sơ (*đối với doanh nghiệp Việt Nam, hồ sơ bằng tiếng Việt; đối với hãng hàng không nước ngoài, hồ sơ bằng tiếng Anh kèm theo bản dịch tiếng Việt*) trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản yêu cầu doanh nghiệp, đơn vị đề nghị phê duyệt bổ sung hồ sơ.

- Trường hợp đầy đủ hồ sơ, trong thời hạn 10 ngày làm việc tính từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra thực tế:

+ Nếu chương trình, quy chế an ninh hàng không đáp ứng đầy đủ các quy định: ra quyết định phê duyệt hoặc chấp thuận (*đối với chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không nước ngoài*);

+ Nếu chương trình, quy chế an ninh hàng không chưa đáp ứng đầy đủ các quy định: có văn bản yêu cầu doanh nghiệp, đơn vị đề nghị phê duyệt bổ sung, sửa đổi chương trình, quy chế.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua dịch vụ bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị theo mẫu;
- Chương trình, quy chế an ninh hàng không;
- Bảng đánh giá nội dung khác biệt của chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không với quy định của pháp luật Việt Nam và các biện pháp nhằm khắc phục các khác biệt đối với hồ sơ trình chấp thuận chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không nước ngoài.

b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

2.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định phê duyệt hoặc chấp thuận.

2.8. Phí, lệ phí: Không.

2.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Văn bản đề nghị.

2.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 92/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13/10/2015 quy định về an ninh hàng không;

- Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ngày 29/03/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

Nơi nhận:
(Recipients)
- Như trên;
(As above)
- ...;
- Lưu ...
(Save)

(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and seal)

Ghi chú: nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page- seal mark must be attached.

3. Thủ tục cấp mới thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không

3.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến cơ quan cấp thẻ.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp thẻ phù hợp quy định, cơ quan cấp thẻ thực hiện việc cấp thẻ;
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp thẻ không phù hợp quy định, cơ quan cấp thẻ có văn bản thông báo cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc có nội dung cần làm rõ, cơ quan cấp thẻ có công văn đề nghị cung cấp thêm thông tin, tài liệu hoặc đề nghị trực tiếp đến làm việc để làm rõ.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua dịch vụ bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị theo mẫu;
- Bản sao có chứng thực hoặc nộp bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, chức năng nhiệm vụ của doanh nghiệp, trừ trường hợp là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay;
- Danh sách trích ngang theo mẫu;
- Tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn theo mẫu (*trừ trường hợp lực lượng công an, hải quan trực tiếp làm việc tại cảng hàng không*) có dán ảnh màu kích thước 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét, đóng dấu giáp lai (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp đến ngày nộp hồ sơ);
- 01 ảnh màu kích thước 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức; Cá nhân.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;



c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

3.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn.

3.8. Phí, lệ phí:

Phí thẩm định cấp giấy phép ra vào khu vực hạn chế tại cảng hàng không sân bay:

- Thẻ sử dụng dài hạn: 150.000đ/lần.

3.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Văn bản đề nghị;

- Danh sách trích ngang;

- Tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn.

3.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Đối tượng được xem xét cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn bao gồm:

a) Cán bộ, nhân viên của các hãng hàng không, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay có hợp đồng lao động xác định thời hạn hoặc hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của pháp luật về lao động;

b) Nhân viên của doanh nghiệp giao nhận hàng hóa, bưu gửi bằng đường hàng không;

c) Nhân viên của doanh nghiệp thực hiện khảo sát, thi công, sửa chữa, bảo dưỡng công trình, trang thiết bị tại cảng hàng không, sân bay;

d) Cán bộ, nhân viên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội;

đ) Người của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

2. Cán bộ, nhân viên của các hãng hàng không, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay có hợp đồng lao động xác định thời hạn hoặc hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của pháp luật về lao động được cấp thẻ có giá trị sử dụng dài hạn khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Không có án tích theo quy định của pháp luật;

b) Được cơ quan, tổ chức chủ quản giao nhiệm vụ làm việc theo ca hoặc hàng ngày hoặc định kỳ theo tuần, tháng tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay trong thời gian từ 03 tháng liên tục trở lên hoặc có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực hàng không tại các khu vực hạn chế.

3. Nhân viên của doanh nghiệp giao nhận hàng hóa, bưu gửi bằng đường hàng không; Nhân viên của doanh nghiệp thực hiện khảo sát, thi công, sửa chữa, bảo dưỡng công trình, trang thiết bị tại cảng hàng không, sân bay được cấp thẻ có giá trị sử dụng dài hạn khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Không có án tích theo quy định của pháp luật;



b) Được cơ quan, tổ chức quản lý giao nhiệm vụ làm việc theo ca hoặc hàng ngày hoặc định kỳ theo tuần, tháng tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay trong thời gian từ 03 tháng liên tục trở lên.

4. Cán bộ, nhân viên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội được cấp thẻ có giá trị sử dụng dài hạn với điều kiện không có án tích theo quy định của pháp luật và đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Có nhiệm vụ thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng liên quan trực tiếp đến hoạt động hàng không dân dụng;

b) Phục vụ chuyên cơ theo quy định của pháp luật về chuyên cơ;

c) Thực hiện nhiệm vụ chuyên trách đón, tiễn các đoàn khách quốc tế của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội cấp Trung ương; cơ quan Nhà nước cấp Trung ương hoặc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

d) Thường xuyên, chuyên trách đưa, đón các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Bộ trưởng và các chức vụ tương đương trở lên; Bí thư, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Thứ trưởng Bộ Công an; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Tổng tham mưu trưởng, Cục trưởng Cục tác chiến Bộ Tổng tham mưu, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam; người điều khiển phương tiện quy định tại điểm b và c khoản 7 Điều này;

đ) Được cơ quan, tổ chức chủ quản giao nhiệm vụ làm việc theo ca hoặc hàng ngày hoặc định kỳ theo tuần, tháng tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay trong thời gian từ 03 tháng liên tục trở lên hoặc có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực hàng không tại các khu vực hạn chế;

e) Các trường hợp đặc biệt do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền cấp thẻ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm.

5. Người của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam được cấp thẻ có giá trị sử dụng dài hạn nếu có công việc thường xuyên thuộc lĩnh vực ngoại giao, lãnh sự trong khu vực hạn chế cảng hàng không, sân bay.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 92/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13/10/2015 quy định về an ninh hàng không;

- Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ngày 29/03/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.



**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT**

Nơi nhận:
(Recipients)
- Như trên;
(As above)
- ...;
- Lưu ...
(Save)

(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and seal)

Ghi chú: nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.
Note: should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page- seal mark must be attached.

Phụ lục VII
DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN CẤP THỂ
KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ
SỬ DỤNG DÀI HẠN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Đơn vị.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàythángnăm

DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN CẤP THỂ KIỂM SOÁT
AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN

Kính gửi:

Số TT	Họ và tên	Chức danh	Đơn vị	Số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu	Số thẻ đã cấp (nếu có)	Thời hạn cấp	Khu vực được cấp				Ghi chú	

Ghi chú: nếu danh sách có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Phụ lục VIII
MẪU TỜ KHAI CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Ảnh màu
Color photo
04 cm x 06 cm
(dấu giáp lai đóng
kèm)
(the joint-page-seal
attached)

..., ngày ... tháng ... năm ...

..., date ... month ... year ...

Kính gửi:

To:

TỜ KHAI CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN
(APPLICATION FOR AIRPORT SECURITY CONTROL BADGE
WITH LONG-TERM USE)

Số:⁴

No:

1. Họ và tên (*Full Name*):
 2. Giới tính (*Gender*):
 3. Ngày, tháng, năm sinh (*Date of birth*): .../.../...
 4. Dân tộc (*Ethnic group*): ...
 5. Quê quán (*Hometown*):
 6. Tôn giáo (*Religion*):
 7. Quốc tịch (*Nationality*):
 8. Chức vụ (*Position*):
 9. Điện thoại liên lạc (*Tel*):
 10. Chỗ ở hiện nay (*Present address*):
 11. Số Chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân (*National ID card*)/ Hộ chiếu (*Passport No*):
 12. Ngày cấp (*Date of issue*): Nơi cấp (*Place of issue*):
 13. Tên, địa chỉ cơ quan, đơn vị hiện đang công tác (*Working place*):
 14. Thời hạn làm việc (*Length of work*):
 - 14.1. Biên chế nhà nước (*Permanent*)
 - 14.2. Hợp đồng không xác định thời hạn (*Undefined-term contract*)
 - 14.3. Hợp đồng xác định thời hạn (*Definite-term contract*)
Thời hạn từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...
Contract from date ... month ... year ... to date ... month ... year ...
 - 14.4. Hợp đồng mùa vụ, công việc (*Seasonal Contract*)
Thời hạn từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...
Contract from date ... month ... year ... to date ... month ... year ...
 15. Đặc điểm nhận dạng (*Identity*):
- (Kê khai theo đặc điểm nhận dạng của giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân)
(*provide identity characteristics based on the national ID cards*)
16. Tóm tắt lịch sử bản thân 5 năm trở lại đây (*Brief personal background for the last five*

⁴ Số tờ khai do đơn vị cấp thẻ ghi (for official use only).

years):

Thời gian (Time)	Đơn vị công tác (Working place)	Chức vụ, công việc (Positions and duties)

17. Kỷ luật (Discipline):

18. Tiền án, tiền sự (Previous convictions):

19. Số thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay đã cấp (nếu có)/Security permit number (if any):

20. Mô tả nhiệm vụ tại khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay (Description of activities and duties at the airport/aerodrome restricted areas):

.....

20.1. Mức độ công việc tại khu vực hạn chế (Levels of activities in restricted areas):

- Thường xuyên (Regular)

- Không thường xuyên (Irregular)

20.2. Công việc làm trong khu vực hạn chế (Activities in restricted areas)

Phục vụ hành khách, hành lý, hàng hóa (Passenger, baggage and cargo handling)	<input type="checkbox"/>
Sửa chữa, bảo dưỡng, vệ sinh tàu bay (Aircraft maintenance, repair and cleaning)	<input type="checkbox"/>
Cung ứng suất ăn, nhiên liệu... cho tàu bay (Aircraft catering, refueling...)	<input type="checkbox"/>
Tuần tra, canh gác, kiểm soát an ninh tại nhà ga, sân bay (Aviation security patrol, guard and control at the terminal/ airport)	<input type="checkbox"/>
Kiểm tra, giám sát an ninh, an toàn, khai thác tại nhà ga, sân bay (Security, safety and operation inspection, monitoring and supervision at the terminal/airport)	<input type="checkbox"/>
Bảo dưỡng trang thiết bị của nhà ga, sân bay (Airport/ terminal equipment maintenance)	<input type="checkbox"/>
Kinh doanh, phục vụ trong nhà ga (Providing business and services at the terminal)	<input type="checkbox"/>
Làm các công việc khác phục vụ chuyên bay (Providing other services for flights)	<input type="checkbox"/>
Phục vụ chuyên cơ (VVIP flights)	<input type="checkbox"/>
Làm thủ tục visa cho khách du lịch (Assisting visa for tourists)	<input type="checkbox"/>
Đón, tiễn khách của cơ quan, đơn vị (Welcoming and seeing off company's visitors)	<input type="checkbox"/>
Công tác nghiệp vụ của công an, quân đội, hải quan (Performing duties of the police, army and customs)	<input type="checkbox"/>
Công tác nghiệp vụ của cơ quan chức năng khác (Professional tasks of competent authorities)	<input type="checkbox"/>
Sửa chữa, xây dựng công trình trong nhà ga (Terminal facilities construction and repair)	<input type="checkbox"/>
Sửa chữa, xây dựng công trình trong sân bay (Airport facilities construction and repair)	<input type="checkbox"/>

Công việc khác (Other activities)	<input type="checkbox"/>
--------------------------------------	--------------------------

20.3. Mô tả chi tiết công việc đã đánh dấu tại mục 20.2 trên (Detailed description of the activities selected at sub-paragraph 20.2 above):.....

20.4. Đề nghị được cấp vào khu vực nào (Which area(s) do you apply for?):

Khu vực từ điểm kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách đến cửa làm thủ tục lên tàu bay (khu vực cách ly) (Area from the passenger security check point to the boarding gate (sterile area))	<input type="checkbox"/>
Khu vực sân đỗ tàu bay (Aircraft parking area)	<input type="checkbox"/>
Khu vực đường hạ cánh, đường lăn (Runways and taxiways)	<input type="checkbox"/>
Khu vực phân loại, chất xếp hành lý ký gửi đưa lên tàu bay (Baggage sorting and loading area)	<input type="checkbox"/>
Khu vực quá cảnh, nối chuyến (Transit/transfer area)	<input type="checkbox"/>
Khu vực phân loại, chất xếp hàng hóa bưu gửi đưa lên tàu bay (Cargo and mail sorting and loading area)	<input type="checkbox"/>
Khu vực nhà khách phục vụ chuyến bay chuyên cơ (VVIP Flight Lounges)	<input type="checkbox"/>
Khu vực nhận hành lý ký gửi tại ga đến (Baggage reclaim area at Arrival Terminal)	<input type="checkbox"/>
Khu vực làm thủ tục cho hành khách đi tàu bay (Passenger check-in area)	<input type="checkbox"/>
Khu vực tiếp nhận, lưu giữ hàng hóa, bưu gửi (Cargo and mail accepting and holding area)	<input type="checkbox"/>
Trạm cấp điện, nước của cảng hàng không, sân bay (Airport/aerodrome water and electricity supply area)	<input type="checkbox"/>
Các khu vực khác (Other areas)	<input type="checkbox"/>

20.5. Đề nghị cấp thẻ vào những cảng hàng không nào Which airports do you apply for? (Specify the name of each airport):

Nội Bài	<input type="checkbox"/>	Điện Biên	<input type="checkbox"/>	Cát Bi	<input type="checkbox"/>	Thọ Xuân	<input type="checkbox"/>
Vinh	<input type="checkbox"/>	Đồng Hới	<input type="checkbox"/>	Đà Nẵng	<input type="checkbox"/>	Phú Bài	<input type="checkbox"/>
Chu Lai	<input type="checkbox"/>	Pleiku	<input type="checkbox"/>	Phù Cát	<input type="checkbox"/>	Tuy Hoà	<input type="checkbox"/>
Cam Ranh	<input type="checkbox"/>	Buôn Ma Thuột	<input type="checkbox"/>	Liên Khương	<input type="checkbox"/>	Côn Sơn	<input type="checkbox"/>
Cần Thơ	<input type="checkbox"/>	Rạch Giá	<input type="checkbox"/>	Cà Mau	<input type="checkbox"/>	Phú Quốc	<input type="checkbox"/>
Tân Sơn Nhất	<input type="checkbox"/>					Vân Đồn	<input type="checkbox"/>

21. Cam kết của người đề nghị cấp thẻ (Applicant's declaration):

21.1. Những lời khai trên đây của tôi là đúng sự thật, nếu sai tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm và chịu mọi hình thức xử lý. (I hereby declare that the above statements are true; otherwise, I would take full responsibility and bear all forms of punishment).

21.2. Tôi đã đọc và hiểu rõ các quy định về sử dụng thẻ kiểm soát an ninh hàng không. Khi được cấp thẻ, tôi cam kết tuân thủ các quy định và chịu những hình thức xử phạt nếu vi phạm (I have read and understood the regulations on the use of aviation security control badge. When granted the badge, I am committed to complying with the provisions and subject to sanctions for violations).

Người khai ký và ghi rõ họ tên
(Signature and full name of applicant)

22. Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị người xin cấp thẻ. *(Certified by the Head of the Applicant's Organization/Unit).*

22.1. Tôi xác nhận Ông, bà:là người của cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ đúng như mô tả tại mục 20. *(I hereby certify that Mr./Mrs is our employee who is assigned with the duties as described at paragraph 20 above).*

22.2. Tôi xác nhận đơn vị đã kiểm tra án tích tại cơ quan tư pháp, ông (bà) không có án tích (Phiếu lý lịch tư pháp số ... ngày ... tháng ... năm ... do Sở Tư pháp ... cấp); các mục từ 01 đến 21 khai là đúng sự thật. *(I confirm that the Applicant's criminal record has been verified at the Justice Agency and that Mr./Mrs has no previous convictions or offences (Criminal Record No. ... dated ... issued by the Justice Department); Statements in paragraphs from 01 to 21 are true and correct.*

22.3. Tôi xác nhận tất cả các nội dung trong bản khai này của ông (bà) là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chịu xử phạt theo quy định *(I certify that all information provided in this application are true and correct, otherwise I would take full responsibility.)*

Ngày ... tháng ... năm...

(MM/DD/YY)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(HEAD OF ORGANIZATION/UNIT)

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and seal)

Ghi chú:

(Note:)

- Bản khai phải ghi đầy đủ tất cả các nội dung được yêu cầu trong 22 mục; nếu ghi không đầy đủ sẽ là Bản khai không hợp lệ và không được xem xét để cấp thẻ *(All fields in paragraph 22 must be filled, otherwise the application will be rejected).*

- Mục 22.2 chỉ áp dụng đối với các đối tượng quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 14 của Thông tư này khi đề nghị cấp mới.

(Only subjects specified at the points a, b and c in clause 1, Article 14 of this Circular subjected to provisions at Session 22.2 for the new issuance of airport security permits).

- Đối với tờ khai đề nghị người khai thác cảng hàng không, sân bay cấp thẻ, người xác nhận chỉ đóng dấu nếu có dấu.

(For the personal form request the airport permit issued by the airport operator, the stamp is subjected to availability of the office's seal).

4. Thủ tục cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không

4.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Cơ quan đề nghị cấp lại thẻ nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến cơ quan cấp thẻ.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp thẻ phù hợp quy định, cơ quan cấp thẻ thực hiện việc cấp thẻ;
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp thẻ không phù hợp quy định, cơ quan cấp thẻ có văn bản thông báo cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc có nội dung cần làm rõ, cơ quan cấp thẻ có công văn đề nghị cung cấp thêm thông tin, tài liệu hoặc yêu cầu cơ quan đề nghị cấp lại trực tiếp đến làm việc để làm rõ.

4.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua dịch vụ bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp cấp lại do thẻ hết thời hạn sử dụng:
 - + Văn bản đề nghị theo mẫu;
 - + Danh sách trích ngang theo mẫu;
 - + Tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn theo mẫu (*trừ trường hợp lực lượng công an, hải quan trực tiếp làm việc tại cảng hàng không*) có dán ảnh màu kích thước 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét, đóng dấu giáp lai (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp đến ngày nộp hồ sơ);
 - + 01 ảnh màu kích thước 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét.
- Trường hợp cấp lại do thẻ còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật:
 - + Văn bản đề nghị theo mẫu;
 - + Danh sách trích ngang theo mẫu;
 - + 01 ảnh màu kích thước 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét.

- + Nộp lại thẻ bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật.
- Trường hợp cấp lại do bị mất thẻ:
 - + Văn bản đề nghị theo mẫu;
 - + Danh sách trích ngang theo mẫu;
 - + 01 ảnh màu kích thước 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét.
 - + Văn bản giải trình của người đề nghị cấp về thời gian, địa điểm và nguyên nhân mất thẻ có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị.
- Trường hợp cấp lại do thay đổi vị trí công tác khác cơ quan, đơn vị:
 - + Văn bản đề nghị theo mẫu;
 - + Bản sao có chứng thực hoặc nộp bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, chức năng nhiệm vụ của doanh nghiệp, trừ trường hợp là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay;
 - + Danh sách trích ngang theo mẫu;
 - + Tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn theo mẫu (*trừ trường hợp lực lượng công an, hải quan trực tiếp làm việc tại cảng hàng không*) có dán ảnh màu kích thước 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét, đóng dấu giáp lai (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp đến ngày nộp hồ sơ);
 - + 01 ảnh màu kích thước 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét.
- Trường hợp thay đổi vị trí công tác trong cùng cơ quan, đơn vị:
 - + Văn bản đề nghị theo mẫu;
 - + Danh sách trích ngang theo mẫu;

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức; Cá nhân.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

4.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn.

4.8. Phí, lệ phí:

Phí thẩm định cấp giấy phép ra vào khu vực hạn chế tại cảng hàng không sân bay:

- Thẻ sử dụng dài hạn: 150.000đ/lần.

4.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Văn bản đề nghị;

- Danh sách trích ngang;

- Tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn.

4.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 92/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13/10/2015 quy định về an ninh hàng không;

- Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ngày 29/03/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT**

Nơi nhận:
(Recipients)
- Như trên;
(As above)
- ...;
- Lưu ...
(Save)

(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and seal)

Ghi chú: nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.
Note: should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page- seal mark must be attached.

Phụ lục VII
DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN CẤP THẺ
KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ
SỬ DỤNG DÀI HẠN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Đơn vị.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàythángnăm

DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN CẤP THẺ KIỂM SOÁT
AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN

Kính gửi:

Số TT	Họ và tên	Chức danh	Đơn vị	Số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu	Số thẻ đã cấp (nếu có)	Thời hạn cấp	Khu vực được cấp	Ghi chú

Ghi chú: nếu danh sách có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Phụ lục VIII
MẪU TỜ KHAI CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Ảnh màu
Color photo
04 cm x 06 cm
(dấu giáp lai đóng kèm)
(the joint-page-seal attached)

..., ngày ... tháng ... năm ...
 ..., date ... month ... year ...

Kính gửi:
 To:

TỜ KHAI CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN
(APPLICATION FOR AIRPORT SECURITY CONTROL BADGE
WITH LONG-TERM USE)

Số:⁶
 No:

1. Họ và tên (*Full Name*):
2. Giới tính (*Gender*):.....
3. Ngày, tháng, năm sinh (*Date of birth*): .../.../... 4. Dân tộc (*Ethnic group*):...
5. Quê quán (*Hometown*): 6. Tôn giáo (*Religion*):
7. Quốc tịch (*Nationality*):
8. Chức vụ (*Position*): 9. Điện thoại liên lạc (*Tel*):.....
10. Chỗ ở hiện nay (*Present address*):.....
11. Số Chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân (*National ID card*)/ Hộ chiếu (*Passport No*):.....
12. Ngày cấp (*Date of issue*):Nơi cấp (*Place of issue*):.....
13. Tên, địa chỉ cơ quan, đơn vị hiện đang công tác (*Working place*):.....
14. Thời hạn làm việc (*Length of work*):
- 14.1. Biên chế nhà nước (*Permanent*)
- 14.2. Hợp đồng không xác định thời hạn (*Undefined-term contract*)
- 14.3. Hợp đồng xác định thời hạn (*Definite-term contract*)
- Thời hạn từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...
Contract from date ...month ... year...to date ... month ... year ...
- 14.4. Hợp đồng mùa vụ, công việc (*Seasonal Contract*)
- Thời hạn từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...
Contract from date ...month ... year ... to date ... month ... year ...
15. Đặc điểm nhận dạng (*Identity*):
 (Kê khai theo đặc điểm nhận dạng của giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân)
(provide identity characteristics based on the national ID cards)
16. Tóm tắt lịch sử bản thân 5 năm trở lại đây (*Brief personal background for the last five*

⁶ Số tờ khai do đơn vị cấp thẻ ghi (for official use only).

years):

Thời gian (Time)	Đơn vị công tác (Working place)	Chức vụ, công việc (Positions and duties)

17. Kỷ luật (Discipline):

18. Tiền án, tiền sự (Previous convictions):

19. Số thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay đã cấp (nếu có)/Security permit number (if any):

20. Mô tả nhiệm vụ tại khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay (Description of activities and duties at the airport/aerodrome restricted areas):

.....

20.1. Mức độ công việc tại khu vực hạn chế (Levels of activities in restricted areas):

- Thường xuyên (Regular)

- Không thường xuyên (Irregular)

20.2. Công việc làm trong khu vực hạn chế (Activities in restricted areas)

Phục vụ hành khách, hành lý, hàng hóa (Passenger, baggage and cargo handling)	<input type="checkbox"/>
Sửa chữa, bảo dưỡng, vệ sinh tàu bay (Aircraft maintenance, repair and cleaning)	<input type="checkbox"/>
Cung ứng suất ăn, nhiên liệu... cho tàu bay (Aircraft catering, refueling...)	<input type="checkbox"/>
Tuần tra, canh gác, kiểm soát an ninh tại nhà ga, sân bay (Aviation security patrol, guard and control at the terminal/ airport)	<input type="checkbox"/>
Kiểm tra, giám sát an ninh, an toàn, khai thác tại nhà ga, sân bay (Security, safety and operation inspection, monitoring and supervision at the terminal/airport)	<input type="checkbox"/>
Bảo dưỡng trang thiết bị của nhà ga, sân bay (Airport/ terminal equipment maintenance)	<input type="checkbox"/>
Kinh doanh, phục vụ trong nhà ga (Providing business and services at the terminal)	<input type="checkbox"/>
Làm các công việc khác phục vụ chuyên bay (Providing other services for flights)	<input type="checkbox"/>
Phục vụ chuyên cơ (VVIP flights)	<input type="checkbox"/>
Làm thủ tục visa cho khách du lịch (Assisting visa for tourists)	<input type="checkbox"/>
Đón, tiễn khách của cơ quan, đơn vị (Welcoming and seeing off company's visitors)	<input type="checkbox"/>
Công tác nghiệp vụ của công an, quân đội, hải quan (Performing duties of the police, army and customs)	<input type="checkbox"/>
Công tác nghiệp vụ của cơ quan chức năng khác (Professional tasks of competent authorities)	<input type="checkbox"/>
Sửa chữa, xây dựng công trình trong nhà ga (Terminal facilities construction and repair)	<input type="checkbox"/>
Sửa chữa, xây dựng công trình trong sân bay (Airport facilities construction and repair)	<input type="checkbox"/>

Công việc khác (Other activities)	<input type="checkbox"/>
--------------------------------------	--------------------------

20.3. Mô tả chi tiết công việc đã đánh dấu tại mục 20.2 trên (Detailed description of the activities selected at sub-paragraph 20.2 above):.....

20.4. Đề nghị được cấp vào khu vực nào (Which area(s) do you apply for?):

Khu vực từ điểm kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách đến cửa làm thủ tục lên tàu bay (khu vực cách ly) (Area from the passenger security check point to the boarding gate (sterile area))	<input type="checkbox"/>
Khu vực sân đỗ tàu bay (Aircraft parking area)	<input type="checkbox"/>
Khu vực đường hạ cất cánh, đường lăn (Runways and taxiways)	<input type="checkbox"/>
Khu vực phân loại, chất xếp hành lý ký gửi đưa lên tàu bay (Baggage sorting and loading area)	<input type="checkbox"/>
Khu vực quá cảnh, nối chuyên (Transit/transfer area)	<input type="checkbox"/>
Khu vực phân loại, chất xếp hàng hóa bưu gửi đưa lên tàu bay (Cargo and mail sorting and loading area)	<input type="checkbox"/>
Khu vực nhà khách phục vụ chuyên bay chuyên cơ (VVIP Flight Lounges)	<input type="checkbox"/>
Khu vực nhận hành lý ký gửi tại ga đến (Baggage reclaim area at Arrival Terminal)	<input type="checkbox"/>
Khu vực làm thủ tục cho hành khách đi tàu bay (Passenger check-in area)	<input type="checkbox"/>
Khu vực tiếp nhận, lưu giữ hàng hóa, bưu gửi (Cargo and mail accepting and holding area)	<input type="checkbox"/>
Trạm cấp điện, nước của cảng hàng không, sân bay (Airport/aerodrome water and electricity supply area)	<input type="checkbox"/>
Các khu vực khác (Other areas)	<input type="checkbox"/>

20.5. Đề nghị cấp thẻ vào những cảng hàng không nào Which airports do you apply for? (Specify the name of each airport):

Nội Bài	<input type="checkbox"/>	Điện Biên	<input type="checkbox"/>	Cát Bi	<input type="checkbox"/>	Thọ Xuân	<input type="checkbox"/>
Vinh	<input type="checkbox"/>	Đồng Hới	<input type="checkbox"/>	Đà Nẵng	<input type="checkbox"/>	Phú Bài	<input type="checkbox"/>
Chu Lai	<input type="checkbox"/>	Pleiku	<input type="checkbox"/>	Phù Cát	<input type="checkbox"/>	Tuy Hoà	<input type="checkbox"/>
Cam Ranh	<input type="checkbox"/>	Buôn Ma Thuột	<input type="checkbox"/>	Liên Khương	<input type="checkbox"/>	Côn Sơn	<input type="checkbox"/>
Cần Thơ	<input type="checkbox"/>	Rạch Giá	<input type="checkbox"/>	Cà Mau	<input type="checkbox"/>	Phú Quốc	<input type="checkbox"/>
Tân Sơn Nhất	<input type="checkbox"/>					Vân Đồn	<input type="checkbox"/>

21. Cam kết của người đề nghị cấp thẻ (Applicant's declaration):

21.1. Những lời khai trên đây của tôi là đúng sự thật, nếu sai tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm và chịu mọi hình thức xử lý. (I hereby declare that the above statements are true; otherwise, I would take full responsibility and bear all forms of punishment).

21.2. Tôi đã đọc và hiểu rõ các quy định về sử dụng thẻ kiểm soát an ninh hàng không. Khi được cấp thẻ, tôi cam kết tuân thủ các quy định và chịu những hình thức xử phạt nếu vi phạm (I have read and understood the regulations on the use of aviation security control badge. When granted the badge, I am committed to complying with the provisions and subject to sanctions for violations).

Người khai ký và ghi rõ họ tên
(Signature and full name of applicant)

22. Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị người xin cấp thẻ. *(Certified by the Head of the Applicant's Organization/Unit).*

22.1. Tôi xác nhận Ông, bà:là người của cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ đúng như mô tả tại mục 20. *(I hereby certify that Mr./Mrs is our employee who is assigned with the duties as described at paragraph 20 above).*

22.2. Tôi xác nhận đơn vị đã kiểm tra án tích tại cơ quan tư pháp, ông (bà) không có án tích (Phiếu lý lịch tư pháp số ... ngày ... tháng ... năm ... do Sở Tư pháp ... cấp); các mục từ 01 đến 21 khai là đúng sự thật. *(I confirm that the Applicant's criminal record has been verified at the Justice Agency and that Mr/Mrs has no previous convictions or offences (Criminal Record No. ... dated ... issued by the Justice Department); Statements in paragraphs from 01 to 21 are true and correct.*

22.3. Tôi xác nhận tất cả các nội dung trong bản khai này của ông (bà) là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chịu xử phạt theo quy định *(I certify that all information provided in this application are true and correct, otherwise I would take full responsibility.)*

Ngày ... tháng ... năm...

(MM/DD/YY)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(HEAD OF ORGANIZATION/UNIT)

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and seal)

Ghi chú:

(Note:)

- Bản khai phải ghi đầy đủ tất cả các nội dung được yêu cầu trong 22 mục; nếu ghi không đầy đủ sẽ là Bản khai không hợp lệ và không được xem xét để cấp thẻ *(All fields in paragraph 22 must be filled, otherwise the application will be rejected).*

- Mục 22.2 chỉ áp dụng đối với các đối tượng quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 14 của Thông tư này khi đề nghị cấp mới.

(Only subjects specified at the points a, b and c in clause 1, Article 14 of this Circular subjected to provisions at Session 22.2 for the new issuance of airport security permits).

- Đối với tờ khai đề nghị người khai thác cảng hàng không, sân bay cấp thẻ, người xác nhận chỉ đóng dấu nếu có dấu.

(For the personal form request the airport permit issued by the airport operator, the stamp is subjected to availability of the office's seal).



5. Thủ tục cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn của Cảng vụ hàng không

5.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp hồ sơ trực tiếp đến Cảng vụ hàng không.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn không quá 60 phút kể từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không thẩm định hồ sơ, cấp thẻ; trường hợp không cấp thẻ, thông báo trực tiếp lý do cho người nộp hồ sơ.

5.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc nộp bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau: chứng minh nhân dân, căn cước công dân; chứng minh thư ngoại giao, chứng minh thư lãnh sự, chứng minh thư công vụ, chứng minh thư phổ thông; hộ chiếu; thẻ kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng dài hạn;

- Văn bản đề nghị, trong đó có các thông tin họ và tên, số điện thoại và thư điện tử của người đại diện làm thủ tục cấp thẻ;

- Danh sách theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 60 phút kể từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức; Cá nhân.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cảng vụ hàng không;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ hàng không;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

5.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn.

5.8. Phí, lệ phí:

Phí thẩm định cấp giấy phép ra vào khu vực hạn chế tại cảng hàng không sân bay:

- Thẻ sử dụng ngắn hạn: 20.000đ/lần.

5.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Danh sách đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn.

5.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Các đối tượng có nhiệm vụ, công việc đột xuất tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay hoặc đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư quy định chi tiết về chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam mà chưa được cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn thì được xem xét cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn;

b) Người đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn phải viết và cam kết vào sổ giao nhận thẻ tại nơi cấp thẻ như sau: “Cam kết của người đề nghị cấp thẻ: người được cấp thẻ tự liên hệ để có người giám sát, hộ tống vào, hoạt động trong khu vực hạn chế theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Thông tư quy định chi tiết về chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam”;

c) Các trường hợp đặc biệt do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền cấp thẻ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 92/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13/10/2015 quy định về an ninh hàng không;

- Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ngày 29/03/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

Phụ lục X
MẪU DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG NGẮN HẠN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG,
SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG NGẮN HẠN
(Kèm theo công văn số/..... ngày tháng năm của (tên cơ quan/ đơn vị đề
nghị).....)

STT	Họ và tên	Nam / Nữ	Số chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu	Chức vụ	Khu vực hạn chế hoạt động	Hạn sử dụng của thẻ kiểm soát an ninh	Ghi chú
1							
2							
3							
....							
....							
....							
....							
TỔNG CỘNG							

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Nếu danh sách có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

6. Thủ tục cấp mới giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ hàng không, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay

6.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Cơ quan đề nghị cấp giấy phép cho phương tiện nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến cơ quan cấp giấy phép.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp giấy phép phù hợp quy định, cơ quan cấp giấy phép thực hiện việc cấp giấy phép;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp giấy phép không phù hợp quy định, cơ quan cấp giấy phép có văn bản thông báo cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc có nội dung cần làm rõ, cơ quan cấp giấy phép có công văn đề nghị cung cấp thêm thông tin, tài liệu hoặc yêu cầu cơ quan đề nghị cấp giấy phép trực tiếp đến làm việc để làm rõ.

6.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc

- Qua dịch vụ bưu chính; hoặc

- Hình thức phù hợp khác.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị theo mẫu (trừ trường hợp cơ quan cấp giấy phép cho phương tiện của mình);

- Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn, ngắn hạn theo mẫu;

- Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết:

- 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:



- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cảng vụ hàng không, Doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ hàng không, Doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

6.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn.

6.8. Phí, lệ phí:

Phí thẩm định cấp giấy phép ra vào khu vực hạn chế tại cảng hàng không sân bay:

- Giấy phép sử dụng dài hạn: 100.000đ/lần.

6.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Văn bản đề nghị;
- Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn, ngắn hạn.

6.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;
- Nghị định số 92/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13/10/2015 quy định về an ninh hàng không;
- Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ngày 29/03/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam;
- Thông tư số 193/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT**

Nơi nhận:
(Recipients)
- Như trên;
(As above)
- ...;
- Lưu ...
(Save)

(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and seal)

Ghi chú: nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.
Note: should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page- seal mark must be attached.

Phụ lục IX

**MẪU DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ
SỬ DỤNG DÀI HẠN/NGẮN HẠN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

ĐƠN VỊ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng ... năm 20...

DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN

(Kèm theo công văn số/..... ngày tháng năm của (tên cơ quan/ đơn vị
đề nghị).....)

Số TT	Tên phương tiện	Biên kiểm soát	Giấy đăng ký phương tiện ⁽¹⁾ / Giấy phép khai thác thiết bị hàng không ⁽²⁾	Số chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường giao thông ⁽¹⁾ / Biên bản kiểm định đủ tiêu chuẩn khai thác an toàn, kỹ thuật, môi trường ⁽²⁾	Thời hạn cấp	Khu vực đề nghị	Công vào	Công ra
1								
2								
3								
...								
...								

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Đối với phương tiện có tham gia giao thông ngoài khu vực cảng hàng không, sân bay.

(2) Đối với phương tiện chuyên dùng hoạt động trong khu bay.

Yêu cầu: nộp kèm bản sao các tài liệu đã khai. Nếu danh sách phương tiện có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

7. Thủ tục cấp lại giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ hàng không, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay

7.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Cơ quan đề nghị cấp lại giấy phép nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến cơ quan cấp giấy phép.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp giấy phép phù hợp quy định, cơ quan cấp giấy phép thực hiện việc cấp giấy phép;
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp giấy phép không phù hợp quy định, cơ quan cấp giấy phép có văn bản thông báo cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc có nội dung cần làm rõ, cơ quan cấp giấy phép có công văn đề nghị cung cấp thêm thông tin, tài liệu hoặc yêu cầu cơ quan đề nghị cấp giấy phép trực tiếp đến làm việc để làm rõ.

7.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua dịch vụ bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Cấp lại do giấy phép hết thời hạn sử dụng:
 - + Văn bản đề nghị theo mẫu (trừ trường hợp cơ quan cấp giấy phép cho phương tiện của mình);
 - + Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn, ngắn hạn theo mẫu;
 - + Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực.
- Cấp lại do giấy phép còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật:
 - + Văn bản đề nghị theo mẫu (trừ trường hợp cơ quan cấp giấy phép cho phương tiện của mình);

+ Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn, ngắn hạn theo mẫu;

+ Nộp lại giấy phép bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật.

- Cấp lại do bị mất giấy phép:

+ Văn bản đề nghị theo mẫu (trừ trường hợp cơ quan cấp giấy phép cho phương tiện của mình);

+ Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn, ngắn hạn theo mẫu;

+ Cơ quan đề nghị cấp giấy phép phải có văn bản xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị về thời gian, địa điểm, nguyên nhân mất giấy phép.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cảng vụ hàng không, Doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ hàng không, Doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn.

7.8. Phí, lệ phí:

Phí thẩm định cấp giấy phép ra vào khu vực hạn chế tại cảng hàng không sân bay:

- Giấy phép sử dụng dài hạn: 100.000đ/lần.

7.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Văn bản đề nghị;

- Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn, ngắn hạn.

7.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:



- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;
- Nghị định số 92/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13/10/2015 quy định về an ninh hàng không;
- Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ngày 29/03/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam;
- Thông tư số 193/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

Phụ lục VI
MẪU CÔNG VĂN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13 /2019/TT-BGTVT ngày 29 / 3/2019
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Tên đơn vị đề nghị...
Name of organization

Số (Number):...../..... ... (location), ngày (date)...tháng (month)...
V/v (Subject): năm (year)...

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)
Attn: [Name of organisation will receive this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: phê duyệt/chấp thuận chương trình an ninh, quy chế an ninh hàng không; cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không; cấp Giấy phép, năng định chuyên môn nhân viên kiểm soát an ninh hàng không) , (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject ... [briefly describe the request: submit the Aviation Security Program (ASP) for approval, issuance security permit, licenses for security control staff], we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình: ⁽⁸⁾

Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị:

Details of proposal.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, email, etc.) of the designated person to liaise with the organization received this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely,

⁽⁸⁾ Đối với đề nghị phê duyệt, chấp thuận Chương trình an ninh phải giải trình về sự tuân thủ với các quy định của Thông tư và pháp luật hiện hành và tính khả thi của các quy định trong Chương trình, Quy chế an ninh hàng không. Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

Regarding submitting the ASP for approval, justification is how the ASP complied with this NCASP and relevant regulations and the feasibility of the ASP. Regarding the request of security permit, justification is the details of the need to have security permit and writing by rule.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT**

Nơi nhận:
(Recipients)
- Như trên;
(As above)
- ...;
- Lưu ...
(Save)

(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and seal)

Ghi chú: nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page- seal mark must be attached.

Phụ lục IX

**MẪU DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ
SỬ DỤNG DÀI HẠN/NGẮN HẠN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

ĐƠN VỊ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng ... năm 20...

DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN

(Kèm theo công văn số/..... ngày tháng năm của (tên cơ quan/ đơn vị
đề nghị).....)

Số TT	Tên phương tiện	Biên kiểm soát	Giấy đăng ký phương tiện ⁽¹⁾ / Giấy phép khai thác thiết bị hàng không ⁽²⁾	Sổ chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường giao thông ⁽¹⁾ / Biên bản kiểm định đủ tiêu chuẩn khai thác an toàn, kỹ thuật, môi trường ⁽²⁾	Thời hạn cấp	Khu vực đề nghị	Công vào	Công ra
1								
2								
3								
...								
...								

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Đối với phương tiện có tham gia giao thông ngoài khu vực cảng hàng không, sân bay.

(2) Đối với phương tiện chuyên dùng hoạt động trong khu bay.

Yêu cầu: nộp kèm bản sao các tài liệu đã khai. Nếu danh sách phương tiện có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

8. Thủ tục cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn của Cảng vụ hàng không, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay

8.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Cơ quan đề nghị cấp giấy phép nộp hồ sơ trực tiếp đến cho cơ quan cấp giấy phép.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn tối đa 60 phút kể từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp giấy phép thẩm định hồ sơ, cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép, thông báo trực tiếp lý do cho người nộp hồ sơ.

8.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị, trong đó có các thông tin họ và tên, số điện thoại và thư điện tử của người đại diện làm thủ tục cấp giấy phép;
- Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn theo mẫu;
- Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết: Tối đa 60 phút kể từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cảng vụ hàng không, Doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ hàng không, Doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

8.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn.

8.8. Phí, lệ phí:

Phí thẩm định cấp giấy phép ra vào khu vực hạn chế tại cảng hàng không sân bay:

- Giấy phép sử dụng ngắn hạn: 20.000đ/lần.

8.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn.

8.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Phương tiện sử dụng để đưa đón khách quốc tế từ cấp Bộ trưởng trở lên; Phương tiện có nhiệm vụ đột xuất để: thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; phục vụ hoạt động của cảng hàng không, sân bay tại khu vực hạn chế; Phương tiện quy định tại khoản 7 Điều này nhưng chưa được cấp giấy phép có giá trị sử dụng dài hạn; Các trường hợp đặc biệt do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm chỉ được cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn khi người đề nghị cấp giấy phép viết và cam kết vào sổ giao nhận giấy phép tại nơi cấp giấy phép như sau: “Cam kết của người đề nghị cấp giấy phép: người điều khiển phương tiện được cấp giấy phép tự liên hệ để có người đi cùng hoặc phương tiện dẫn đường theo quy định tại khoản 6 Điều 32 của Thông tư quy định chi tiết về chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam”.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 92/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13/10/2015 quy định về an ninh hàng không;

- Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao-thông vận tải ngày 29/03/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

Phụ lục IX

**MẪU DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ
SỬ DỤNG DÀI HẠN/NGẮN HẠN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

ĐƠN VỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng ... năm 20...

DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN

(Kèm theo công văn số/..... ngày tháng năm của (tên cơ quan/ đơn vị
đề nghị).....)

Số TT	Tên phương tiện	Biên kiểm soát	Giấy đăng ký phương tiện ⁽¹⁾ / Giấy phép khai thác thiết bị hàng không ⁽²⁾	Số chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường giao thông ⁽¹⁾ / Biên bản kiểm định đủ tiêu chuẩn khai thác an toàn, kỹ thuật, môi trường ⁽²⁾	Thời hạn cấp	Khu vực đề nghị	Công vào	Công ra
1								
2								
3								
...								
...								

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Đối với phương tiện có tham gia giao thông ngoài khu vực cảng hàng không, sân bay.

(2) Đối với phương tiện chuyên dùng hoạt động trong khu bay.

Yêu cầu: nộp kèm bản sao các tài liệu đã khai. Nếu danh sách phương tiện có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

9. Thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn cho lực lượng công an và hải quan cửa khẩu tại các cảng hàng không, sân bay quốc tế

9.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Cơ quan công an, hải quan cửa khẩu tại các cảng hàng không, sân bay quốc tế chịu trách nhiệm về hồ sơ, lý lịch, nhân thân, nhiệm vụ của người được đề nghị cấp thẻ nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không thẩm định hồ sơ và cấp thẻ. Trường hợp không cấp có văn bản trả lời nêu rõ lý do không cấp cho cơ quan đề nghị cấp.

9.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua dịch vụ bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị theo mẫu;
- Danh sách cán bộ, nhân viên làm việc thường xuyên tại cảng hàng không, sân bay quốc tế, bao gồm các thông tin về họ và tên, chức vụ, đơn vị làm việc, khu vực hoạt động của người đề nghị cấp thẻ;
- 02 ảnh màu kích thước 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét (ảnh chụp mặc trang phục của ngành trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ) hoặc ảnh chụp trực tiếp tại cơ quan cấp thẻ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết:

- 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Lực lượng công an và hải quan cửa khẩu tại các cảng hàng không, sân bay quốc tế.

9.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cảng vụ hàng không;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ hàng không;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

9.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn.

9.8. Phí, lệ phí:

Phí thẩm định cấp giấy phép ra vào khu vực hạn chế tại cảng hàng không sân bay:

- Thẻ sử dụng dài hạn: 150.000đ/lần.

9.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Văn bản đề nghị.

9.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 92/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13/10/2015 quy định về an ninh hàng không;

- Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ngày 29/03/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

Phụ lục VI
MẪU CÔNG VĂN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị đề nghị...
Name of organization

Số (Number):...../..... ... (location), ngày (date)...tháng (month)...
V/v (Subject): năm (year)...
.....

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)
Attn: [Name of organisation will receive this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: phê duyệt/chấp thuận chương trình an ninh, quy chế an ninh hàng không; cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không; cấp Giấy phép, năng định chuyên môn nhân viên kiểm soát an ninh hàng không), (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject ... [briefly describe the request: submit the Aviation Security Program (ASP) for approval, issuance security permit, licenses for security control staff], we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình: ⁽⁹⁾

Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị:

Details of proposal.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, email, etc.) of the designated person to liaise with the organization received this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely,

⁽⁹⁾ Đối với đề nghị phê duyệt, chấp thuận Chương trình an ninh phải giải trình về sự tuân thủ với các quy định của Thông tư và pháp luật hiện hành và tính khả thi của các quy định trong Chương trình, Quy chế an ninh hàng không. Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

Regarding submitting the ASP for approval, justification is how the ASP complied with this NCASP and relevant regulations and the feasibility of the ASP. Regarding the request of security permit, justification is the details of the need to have security permit and writing by rule.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT**

Nơi nhận:
(Recipients)
- Như trên;
(As above)
- ...;
- Lưu ...
(Save)

(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and seal)

Ghi chú: nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page- seal mark must be attached.

10. Thủ tục cấp giấy phép, gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định nhân viên kiểm soát an ninh hàng không

10.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép, gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định nhân viên kiểm soát an ninh gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra và cấp, cấp lại giấy phép, gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định cho nhân viên kiểm soát an ninh hàng không trong thời hạn tối đa 20 ngày làm việc đối với cấp giấy phép lần đầu, cấp lại giấy phép đã hết thời hạn hiệu lực, gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định; tối đa 07 ngày làm việc đối với cấp lại giấy phép bị mất, hỏng kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam phải thông báo bằng văn bản về những nội dung chưa đầy đủ, yêu cầu người đề nghị bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ hoặc thông báo việc từ chối cấp và nêu rõ lý do.

10.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua dịch vụ bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lần đầu:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép, năng định cho nhân viên của cơ quan, đơn vị theo mẫu;

+ Nộp bản sao có chứng thực hoặc nộp bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp;

+ 01 ảnh màu chụp chính diện, mắt nhìn thẳng, rõ vành tai, kích thước 03 cen-ti-mét x 04 cen-ti-mét (chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ).

- Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đã hết thời hạn hiệu lực, mất, hỏng:

+ Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép cho nhân viên của cơ quan, đơn vị theo mẫu;

+ Bản chính giấy phép trong trường hợp giấy phép đã hết thời hạn hiệu

lực, bị hỏng. Trường hợp mất giấy phép phải có văn bản xác nhận của thủ trưởng đơn vị;

+ 01 ảnh màu chụp chính diện, mắt nhìn thẳng, rõ vành tai, kích thước 03 cen-ti-mét x 04 cen-ti-mét (chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ).

- *Hồ sơ đề nghị gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định:*

+ Văn bản đề nghị gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định nhân viên của cơ quan, đơn vị theo mẫu;

+ Bản sao kết quả huấn luyện định kỳ phù hợp với năng định đề nghị gia hạn, phục hồi;

+ Bản sao có chứng thực hoặc nộp bản sao xuất trình bản chính văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp để đối chiếu với trường hợp bổ sung năng định;

+ Bản chính giấy phép nhân viên kiểm soát an ninh.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

10.4. Thời hạn giải quyết:

- Cấp giấy phép lần đầu, cấp lại giấy phép đã hết thời hạn hiệu lực, gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ.

- Cấp lại giấy phép bị mất, hỏng: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ.

10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức; Cá nhân.

10.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

10.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép, năng định nhân viên kiểm soát an ninh hàng không.

10.8. Phí, lệ phí:

Phí sát hạch đủ điều kiện cấp giấy phép nhân viên hàng không:

- Sát hạch lý thuyết:

+ Sát hạch cấp giấy phép lần đầu: 600.000đ/lần.

+ Sát hạch cấp lại giấy phép theo thời hạn, gia hạn, bổ sung năng định: 400.000đ/lần.

- Sát hạch thực hành: 250.000đ/lần.



10.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Văn bản đề nghị.

10.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không được cấp giấy phép và năng định khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về tiêu chuẩn nhân viên hàng không và nhân viên kiểm soát an ninh hàng không theo quy định; có chứng chỉ chuyên môn phù hợp; có thời gian thực tập nghiệp vụ chuyên môn phù hợp tối thiểu là 01 tháng do cơ quan chủ quản xác nhận;

- Tham dự kỳ thi cấp giấy phép và năng định chuyên môn về an ninh hàng không do Hội đồng kiểm tra cấp giấy phép, năng định nhân viên kiểm soát an ninh hàng không của Cục Hàng không Việt Nam tổ chức đạt từ 85 điểm trở lên và không bị điểm 0 (không).

10.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 92/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13/10/2015 quy định về an ninh hàng không;

- Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ngày 29/03/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.



Phụ lục VI
MẪU CÔNG VĂN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13 /2019/TT-BGTVT ngày 29 / 3/2019
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Tên đơn vị đề nghị...
Name of organization

Số (Number):...../..... ... (location), ngày (date)...tháng (month)...
V/v (Subject): năm (year)...
.....

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)
Attn: [Name of organisation will receive this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: phê duyệt/chấp thuận chương trình an ninh, quy chế an ninh hàng không; cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không; cấp Giấy phép, năng định chuyên môn nhân viên kiểm soát an ninh hàng không), (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject ... [briefly describe the request: submit the Aviation Security Program (ASP) for approval, issuance security permit, licenses for security control staff], we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình:⁽¹⁰⁾

Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị:

Details of proposal.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, email, etc.) of the designated person to liaise with the organization received this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely,

(10) Đối với đề nghị phê duyệt, chấp thuận Chương trình an ninh phải giải trình về sự tuân thủ với các quy định của Thông tư và pháp luật hiện hành và tính khả thi của các quy định trong Chương trình, Quy chế an ninh hàng không. Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

Regarding submitting the ASP for approval, justification is how the ASP complied with this NCASP and relevant regulations and the feasibility of the ASP. Regarding the request of security permit, justification is the details of the need to have security permit and writing by rule.



THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

Nơi nhận:
(Recipients)
- Như trên;
(As above)
- ...;
- Lưu ...
(Save)

(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and seal)

Ghi chú: nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page- seal mark must be attached.